

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - PT
Ngày 17 - 01 - 2018
V/v Tranh chấp kiện ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp kiện ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2017/QĐ - PT ngày 03 tháng 11 năm 2017 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 01/12/2017 và 02/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1966.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1967.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3. Người kháng cáo: Bà Ngô Thị H là bị đơn trong vụ án.

4. Người làm chứng: Ông Bùi Văn A (tức Bùi Duy A), sinh năm 1964; Quê quán: Tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: tổ 37, phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Yên Bái.

Phiên tòa có mặt bà H, ông L; vắng mặt ông A (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự, vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Bùi Xuân L trình bày: Ông và bà Ngô Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hà

Nam (nay là UBND phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế và tình cảm, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn bà Ngô Thị H.

Bị đơn bà Ngô Thị H có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như ông L trình bày là đúng. Bà xác nhận bà và ông Bùi Xuân L kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Ông L xin ly hôn, bà xin Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ vì bà vẫn còn yêu thương chồng và không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là cháu Bùi Thị T, sinh ngày 03/12/1991; Bùi Mạnh D, sinh ngày 13/3/1994; Bùi Duy T, sinh ngày 16/02/1996. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành lao động tự lập được nên khi ly hôn ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện bà không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Từ những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ - ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H.

2/ Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông L phải nộp 300.000đ. Ông L được đối trừ 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000660 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, bà Ngô Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác bỏ đơn ly hôn của ông Bùi Xuân L và quyết định xử lý hôn của Tòa án nhân dân thành phố P; giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng và các con.

Trong quá trình giải quyết, xét xử phúc thẩm, ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H cung cấp cho Tòa án đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về tình cảm và tài sản đề ngày ngày 15/12/2017, trong đó nêu rõ ông L và bà H đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân và chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L, bà H thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Ông L, bà H thống nhất có những tài sản sau:

- + Diện tích đất 360m² và nhà mái bằng 40m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020539 thửa số 123, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Xuân L ngày 19/3/2010.

- + Diện tích đất 240m² và nhà cấp 4 diện tích 40m² là đất chuyển nhượng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 027137 thửa số 262, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Văn A ngày 03/7/2006.

- + Diện tích 1878m² đất ruộng cây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 037436, thửa số 83(43), 7(12), 81(8), 86(1), 82(15), 14(3); tờ bản đồ số 7,8,9,9,9,7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Xuân L ngày 02/4/2003.

Ông bà thỏa thuận sẽ giao toàn bộ tài sản nêu trên cho bà Ngô Thị H toàn quyền sử dụng và bà H phải có trách nhiệm cùng các con. Ông L tự nguyện không nhận khoản chênh lệch do bà H thanh toán.

Về con riêng, tài sản riêng, công nợ chung, riêng: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà H, ông L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về hôn nhân và tài sản như trong đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về tình cảm và tài sản đề ngày ngày 15/12/2017

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ - ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam về tình cảm, chia tài sản chung của vợ chồng và các con theo sự thỏa thuận của ông L và bà H, để bà H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý vụ án ly hôn để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Về nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị H xin được đoàn tụ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông L, bà H sau khi kết hôn đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc và sinh được ba con. Chỉ đến năm 2012, vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách nghĩ cách làm khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Bản thân ông L cũng đã nhiều lần muốn nối lại tình cảm nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng vẫn đối xử với nhau như người dưng, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2012. Bản thân bà H cho rằng bà muốn đoàn tụ vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vẫn sống hạnh phúc. Tuy nhiên qua quá trình xác minh, tổ dân phố C, UBND phường H nơi ông bà cư trú xác định vợ chồng ông L, bà H có mâu thuẫn “ba, bốn năm nay ông L không thường xuyên sinh sống tại địa phương; tổ dân phố thấy hôn nhân giữa ông L, bà H không tồn tại đã lâu, khả năng đoàn tụ giữa hai vợ chồng không có” (BL số 33); bên cạnh đó bà H cũng khẳng định “vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2010 nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống (BL 40). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông L và bà H ly hôn là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, trong giai đoạn phúc thẩm, bà H xin thay đổi nội dung kháng cáo vì ông L, bà H có văn bản thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy việc thay đổi kháng cáo của bà H và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; cuộc hôn nhân của ông L, bà H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thỏa thuận của đương sự theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét kháng cáo xin giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng và các con trong cùng một vụ án ly hôn, cấp phúc thẩm thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về tình cảm và tài sản của ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H đề ngày 15/12/2017, cụ thể, ông bà thỏa thuận giao cho bà Ngô Thị H và các con

của ông bà là Bùi Thị T, Bùi Mạnh D và Bùi Duy T được sở hữu và sử dụng những tài sản sau:

+ Diện tích đất 360m² và nhà mái bằng 40m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020539 thửa số 123, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Xuân L ngày 19/3/2010.

+ Diện tích đất 240m² và nhà cấp 4 diện tích 40m² là đất chuyển nhượng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 027137 thửa số 262, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Văn L ngày 03/7/2006.

+ Diện tích 1878m² đất ruộng cấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 037436, thửa số 83(43), 7(12), 81(8), 86(1), 82(15), 14(3); tờ bản đồ số 7,8,9,9,9,7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Xuân L ngày 02/4/2003.

Đối với thửa đất mang tên hộ ông Bùi Văn L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 027137 thửa số 262, tờ bản đồ số 7, ông L, bà H khẳng định: đất, nhà cấp 4 và toàn bộ tài sản trên đất là của ông bà tạo lập, vì muốn chuyển thành đất thổ cư nên ông bà đã nhờ ông Bùi Văn A (là anh trai của ông A) đứng tên hộ ông bà. Phía ông A cũng có văn bản gửi Tòa án khẳng định: Ông chỉ đứng tên hộ ông L, bà H còn về thực chất đất đai, tài sản là của ông L, bà H, ông bà có toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với thửa đất nêu trên. Nay ông L, bà H thỏa thuận sẽ giao toàn bộ nhà đất nêu trên cho bà Ngô Thị H và các con của ông bà, ông A nhất trí. Ông Bùi Văn A từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại các phiên triệu tập, phiên tòa của tòa án tỉnh Hà Nam vì ông không liên quan gì. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương xác nhận nguồn gốc thửa đất là cắt trừ đất nông nghiệp ngoài đồng, tiêu chuẩn của anh Bùi Mạnh D và Bùi Duy T (là các con của ông L, bà H) chuyển về diện tích đất ao của gia đình theo quyết định 990/QĐ-UBND ngày 28/9/1995 của UBND tỉnh Hà Nam về giao đất nông nghiệp cho nông dân nên thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Bùi Xuân L. Do gia đình ông L đã có đất ở nên đã nhờ ông Bùi Văn A đứng tên hộ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự về chia tài sản chung của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và sửa bản án sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông L phải nộp 300.000đ. Ông L được đối trừ 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000660 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Án phí ly hôn phúc thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận các đương sự để bà H phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố P về việc “Tranh chấp kiện ly hôn”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H.

2/ Về tài sản chung của vợ chồng: Công nhận sự thỏa thuận của ông Bùi Xuân L và bà Ngô Thị H: Giao cho bà Ngô Thị H và các con của ông bà là Bùi Thị T, Bùi Mạnh D và Bùi Duy T được sở hữu và sử dụng những tài sản sau:

+ Diện tích đất 360m² và nhà mái bằng 40m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 020539 thửa số 123, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Xuân L ngày 19/3/2010.

+ Diện tích đất 240m² và nhà cấp 4 diện tích 40m² là đất chuyên ruộng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 027137 thửa số 262, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Văn L ngày 03/7/2006.

+ Diện tích 1878m² đất ruộng cây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 037436, thửa số 83(43), 7(12), 81(8), 86(1), 82(15), 14(3); tờ bản đồ số 7,8,9,9,9,7, tọa lạc tại thôn C, xã H, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam), được UBND thị xã P cấp cho hộ ông Bùi Xuân L ngày 02/4/2003.

Bà Ngô Thị H không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Bùi Xuân L

Về con nuôi, con riêng, tài sản riêng, công nợ chung, riêng: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/ Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông L phải nộp 300.000đ. Ông L được đối trừ 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000660 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam. Ông L đã thi hành xong.

- Án phí ly hôn phúc thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000752 ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam. Bà H đã thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Tiến Hùng